

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày: 20/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn và bà Đinh Thị Hà Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP C (V); địa chỉ trụ sở: Số A đường T, phường H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số D đường T, phường P, thành phố H;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Tâm T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh N3 (theo văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024) (Vắng mặt).

- Người được ủy quyền lại (Theo văn bản ủy quyền lại số 28/UQ-CNNH-TCTH ngày 12/01/2026):

+ Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C- Chi nhánh N3, vắng mặt;

+ Ông Trần Hoài N, chức vụ: Phó Phòng Tổ chức Tổng hợp - Ngân hàng thương mại cổ phần C- Chi nhánh N3, có mặt;

+ Ông Nguyễn Tất Lê N1, chức vụ: Phó phòng - Phụ trách phòng G, Ngân hàng

thương mại cổ phần C- Chi nhánh N3, có mặt;

+ Bà Lại Thị Ngọc B1, chức vụ: Cán bộ quản lý nợ có vấn đề Phòng tổ chức tổng hợp - Ngân hàng thương mại cổ phần C- Chi nhánh N3, vắng mặt;

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Trường T1, sinh năm 1990 (Vắng mặt) và bà Lê Thị Mỹ N2, sinh năm 1990 (Có mặt); cùng địa chỉ thường trú: 1 đường N, phường T, thành phố H, nơi tạm trú: Số B đường T, phường P, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP C (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng V” hoặc “Ngân hàng”) trình bày:

Ngày 29/01/2024 Ngân hàng TMCP C và ông Nguyễn Văn Trường T1, bà Lê Thị Mỹ N2 đã ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT462; với hạn mức cho vay tại mọi thời điểm không vượt quá 2.300.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 29/01/2024 đến hết ngày 29/01/2025; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nhỏ lẻ mua bán thực phẩm, dinh dưỡng đóng gói, tuy nhiên ông T1, bà N2 không có đăng ký kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn được ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/ năm. Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 số tiền vay là 2.300.000.000 đồng thông qua các giấy nhận nợ ngày 20/01/2025, 21/01/2025, 22/01/2025, 23/01/2025 và 24/01/2025 với lãi suất cho vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 5,5%/năm, thời hạn trả nợ 06 tháng từ ngày giải ngân; ngày trả lãi đầu tiên là vào ngày 25 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì bà Lê Thị Mỹ N2 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 02 tầng, tổng diện tích sử dụng 80,5m²; diện tích xây dựng 61,5m²; kết cấu tường + khung bê tông cốt thép, tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 18, diện tích đất 188 m², tọa lạc tại địa chỉ: Số B (42 cũ) đường T, phường P, thành phố H (cũ là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 330105 do UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/3/2003, cập nhật thay đổi lần cuối cùng ngày 27/7/2023 đứng tên bà Lê Thị Mỹ N2; theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 4218/2023/HĐBĐ/NHCT462, được lập và công chứng tại Văn phòng C1 ngày 27/7/2023.

Kể từ ngày 25/12/2024 cho đến nay, ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 đã không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết. Do đó, kể từ ngày 13/02/2025

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, tiến hành làm việc, nhắc nhở trả nợ nhưng ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 vẫn không trả nợ vay cho Ngân hàng. Do ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C (V) số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/5/2026 tổng cộng là 2.686.951.165 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 282.562.664 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.877.460 đồng, nợ lãi chậm trả là 18.511.041 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP C (V) số tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 21/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP C (V) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không thu hồi đủ nợ cho Ngân hàng TMCP C (V), thì ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C (V) cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Bị đơn là bà Lê Thị Mỹ N2 tại bản tự khai ngày 09/3/2026 và tại phiên tòa trình bày: Vợ chồng bà là Nguyễn Văn Trường T1 và Lê Thị Mỹ N2 có ký kết với Ngân hàng V hợp đồng cho vay hạn mức để vay số tiền 2.300.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động nhưng ông, bà không có giấy đăng ký kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì bà N2 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 18, diện tích đất 188 m², tọa lạc tại địa chỉ: Số B đường T, phường P, thành phố H. Sau khi ký kết các hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng bà đủ số tiền 2.300.000.000 đồng. Quá trình vay vốn do công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên không trả nợ đúng thời hạn như đã thỏa thuận cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1 nhưng quá thời hạn theo luật định ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã triệu tập ông T1 đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T1 đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và tiến hành hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế có ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật

tổ tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn là ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP C (V). Trường hợp ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP C (V) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không thu hồi đủ nợ thì ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C (V) cho đến khi trả xong các khoản nợ.

- *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp đủ.

- *Về án phí:* Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn là Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 trả nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT462 ngày 29/01/2024 nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, căn cước công dân và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đều thể hiện nơi cư trú tại số A đường N, phường T, thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 không có yêu cầu phản tố, ông T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi Ngân hàng V và ông Nguyễn Văn Trường T1, bà Lê Thị Mỹ N2 ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT462 ngày 29/01/2024, Ngân hàng V đã thực hiện giải ngân cho ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 số tiền là 2.300.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm triệu đồng*) được thể hiện qua các giấy nhận nợ ngày 20/01/2025, 21/01/2025, 22/01/2025, 23/01/2025 và 24/01/2025 mà các bên đã ký kết.

Xét thấy, hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT462 ngày 29/01/2024 được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 trả nợ gốc và các khoản nợ lãi được hai bên xác lập trong hợp đồng tín dụng đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

Theo văn bản tính nợ gốc và nợ lãi do Ngân hàng V cung cấp thì tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2026, ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền gốc và lãi là 2.686.951.165 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 282.562.664 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.877.460 đồng, nợ lãi chậm trả là 18.511.041 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Văn Trường T1 tham gia giải quyết vụ án và trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T1 không đến và không đưa ra chứng cứ phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn là bà Lê Thị Mỹ N2 tại bản tự khai ngày 09/3/2026 và tại phiên tòa đã đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP C (V) yêu cầu ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 thanh toán các khoản nợ gốc, nợ lãi nói trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/5/2026 cho đến khi ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 trả hết khoản nợ. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C (V) phù hợp với quy định tại các Điều 275, 280, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; văn bản tính nợ gốc và nợ lãi do Ngân hàng TMCP C (V) cung cấp được tính theo đúng các điều, khoản liên quan đến lãi suất quy định trong các hợp đồng và giấy nhận nợ đã có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C (V) số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP C (V).

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 4218/2023/HĐBĐ/NHCT462 ngày 27/7/2023 có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 02 tầng, tổng diện tích sử dụng 80,5m²; diện tích xây dựng 61,5m²; kết cấu tường + khung bê tông cốt thép, tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 18, diện tích đất 188 m², tọa lạc tại địa chỉ: Số B đường T, phường P, thành phố H. Xét hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Theo cam kết giữa bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả hợp đồng tín dụng được ký kết, nghĩa vụ đó bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác. Vì vậy, nếu ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, căn cứ vào hợp đồng thế chấp nói trên, Ngân hàng TMCP C (V) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP C (V) tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

Ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải chịu: 72.000.000 đồng + [(2.686.951.165 đồng - 2.000.000.000 đồng) x 2%] = 85.739.023 đồng (Làm tròn số là 85.739.000 đồng).

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.686.000 đồng (*Bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*), theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000462 ngày 14/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 275, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

Buộc ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền còn nợ tính đến ngày 20/5/2026 là 2.686.951.165 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 282.562.664 đồng, nợ lãi quá hạn là 85.877.460 đồng, nợ lãi chậm trả là 18.511.041 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP C (V) số tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP C (V) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 02 tầng, tổng diện tích sử dụng 80,5m²; diện tích xây dựng 61,5m²; kết cấu tường + khung bê tông cốt thép, tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 18, diện tích đất 188 m², tọa lạc tại địa chỉ: Số B (42 cũ) đường T, phường P, thành phố H (cũ là phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 330105 do UBND thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 14/3/2003, cập nhật thay đổi lần cuối cùng ngày 27/7/2023 đứng tên bà Lê Thị Mỹ N2; theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 4218/2023/HĐBĐ/NHCT462, được lập và công chứng tại Văn phòng C1 ngày 27/7/2023 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không thu hồi đủ nợ cho Ngân hàng TMCP C (V), thì ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C (V) cho đến khi trả xong các khoản nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP C (V) tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ, nay không phải nộp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Trường T1 và bà Lê Thị Mỹ N2 phải chịu 85.739.000 đồng.

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.686.000 đồng (*Bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000462 ngày 14/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quang B2